

---

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN KHỐI 9  
NĂM HỌC 2016 - 2017**

**A. CHỦ ĐỀ 1: PHẦN VĂN HỌC**

**\* Yêu cầu:**

- Học thuộc các bài thơ, nhận biết tên tác giả và tác phẩm;
- Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật trong văn bản;
- Tóm tắt, nêu được tình huống truyện, nắm vững nội dung và nghệ thuật của truyện;
- Hiểu được ý nghĩa các văn bản;
- Giải thích được ý nghĩa nhan đề, chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

**I. TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

**Câu 1: Các tác phẩm văn học trung đại:**

**1. Chuyện người con gái Nam Xương**

- Tác giả: Nguyễn Dữ
- Năm - hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:
  - + TK 16
  - + Trích “Truyện Kì mạn lục”
- Thể loại - PTBD:
  - + Truyện truyền kì
  - + Tự sự
- Nội dung: Niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ PK, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.
- Nghệ thuật: Nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật, kết hợp tự sự và trữ tình...

**2. Hoàng Lê nhất thống chí (hồi 14)**

- *Tác giả*: Nhóm tác giả: Ngô gia văn phái
- Năm - hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:
  - + Đầu TK 19
  - + Trích (hồi 14) “*Quang Trung đại phá quân Thanh*”
- Thể loại - PTBD:

+ Chí

+ Tiểu thuyết lịch sử - chương hồi.

- Nội dung: Hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống

- Nghệ thuật: Tự sự kết hợp với miêu tả, chi tiết cụ thể, khắc họa nhân vật

### **3. Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh)**

- Tác giả: Nguyễn Du

- Năm - hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:

+ Đầu TK 19

+ Dựa theo cốt truyện “Kim Vân Kiều truyện”

- Thể loại - PTBD:

+ Truyện thơ Nôm (Lục bát)

+ Tự sự

- Nội dung:

+ Giá trị hiện thực: Là bức tranh hiện thực về một XH bất công, tàn bạo.

+ Giá trị nhân đạo: Là tiếng nói thương cảm trước số phận bi kịch của con người; lên án, tố cáo những thế lực xấu xa,...

- Nghệ thuật:

+ Kết tinh thành tựu văn học dân tộc về ngôn ngữ, thể loại.

+ Thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao rực rỡ,...

### **4. Chị em Thúy Kiều**

- Nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về số phận tài hoa bạc mệnh

- Nghệ thuật: Bút pháp ước lệ tượng trưng cổ điển, miêu tả chân dung

### **5. Cảnh ngày xuân**

- Nội dung: Bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng

- Nghệ thuật: Miêu tả cảnh vật giàu chất tạo hình

## 6. Kiều ở lầu Ngưng Bích

- Nội dung: Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều
- Nghệ thuật: Bút pháp tả cảnh ngụ tình

### **Câu 2: Tóm tắt truyện “Chuyện người con gái Nam Xương”:**

Xưa có chàng Trương Sinh, vừa cưới vợ xong lại phải đi lính. Giặc tan, Trương Sinh trở về, nghe lời con nhỏ, nghi vợ mình không chung thủy. Vũ Nương bị oan, bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Một đêm, Trương Sinh cùng con trai ngồi bên ngọn đèn, đưa con chỉ cái bóng trên tường và nói đó chính là người hay tới ban đêm. Lúc đó chàng mới hiểu ra nỗi oan của vợ. Phan Lang, một người hàng xóm của Trương Sinh tình cờ gặp lại Vũ Nương dưới Thủy Cung. Khi Phan Lang được trở về trần gian, Vũ Nương gửi chiếc hoa vàng cùng lời nhắn cho chồng. Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang. Vũ Nương trở về ngồi trên chiếc kiệu hoa giữa dòng sông lúc ẩn, lúc hiện.

### **Câu 3: Trình bày những nét chính về tác giả Nguyễn Du.**

#### **\* Định hướng về tác giả Nguyễn Du:**

**1. Thân thế:** Nguyễn Du (1765 - 1820) tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, có truyền thống văn học.

#### **2. Cuộc đời:**

- Ông sống vào thời cuối Lê đầu Nguyễn giai đoạn chế độ phong kiến Việt Nam có nhiều biến động tư tưởng chính trị của ông không rõ ràng.
- Nguyễn Du sống lưu lạc chìm nổi, cuộc đời nhiều cực khổ thăng trầm.

**3. Con người:** Nguyễn Du là người có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc. Cuộc đời từng trải tạo cho ông vốn sống phong phú và niềm cảm thông sâu sắc với những nỗi khổ của nhân dân.

#### **4. Sự nghiệp:**

- Ông để lại một di sản văn hóa lớn về cả chữ Hán và chữ Nôm. Sáng tác Nôm xuất sắc nhất là Truyện Kiều.

- Ông là một thiên tài văn học, là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, là Danh nhân văn hoá thế giới.

**Câu 4:** Tóm tắt “Truyện Kiều”. (HS xem ở SGK/78+79)

**Câu 5:** Phân tích vẻ đẹp và số phận đầy bi kịch của người phụ nữ qua tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” và các đoạn trích “Truyện Kiều”.

\* **Định hướng:**

**1/Vẻ đẹp người phụ nữ:**

- Vẻ đẹp về nhan sắc, tài năng:

+ Thúy Vân: Vẻ đẹp phúc hậu, quý phái.

+ Thúy Kiều: Tuyệt thế giai nhân.

- Vẻ đẹp về tâm hồn, phẩm chất: Vũ Nương, Thúy Kiều: Hiếu thảo, chung thủy. Khát vọng tự do, công lí chính nghĩa (Thúy Kiều).

**2/ Bi kịch của người phụ nữ:**

- Đau khổ, oan khuất (vũ Nương).

- Tình yêu tan vỡ, nhân phẩm bị chà đạp (Thúy Kiều).

**Câu 6:** Nắm được đặc điểm của tiểu thuyết chương hồi. Hiểu được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của Hoàng Lê nhất thống chí (hồi thứ 14).

\* “**Quang Trung đại phá quân Thanh**”: Vua tôi Lê Chiêu Thống hèn nhát, thần phục ngoại bang một cách nhục nhã.

\* **Nguyễn Huệ:** Người anh hùng dân tộc: Có lòng yêu nước nồng nàn; quả cảm, tài trí; nhân cách cao đẹp.

**Câu 7:** Nêu giá trị nhân đạo của Truyện Kiều thông qua các đoạn trích: “Chị em Thúy kiều”, “Kiều ở lầu Ngưng Bích”?

- Khẳng định, đề cao vẻ đẹp, tài năng con người. (“Chị em Thúy kiều”).

- Thương cảm trước những đau khổ,bi kịch của con người (“Kiều ở lầu Ngưng Bích”).

**Câu 8:** Nêu nghệ thuật đặc sắc của “Truyện Kiều”?

- Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên:

+ Trực tiếp miêu tả thiên nhiên “**Cảnh ngày xuân**”.

+ Tả cảnh ngụ tình: “*Kiều ở lầu Ngung Bích*”.

- Nghệ thuật miêu tả nhân vật :

+ Khắc họa nhân vật bằng bút pháp ước lệ: “*Chị em Thúy Kiều*”.

+ Miêu tả đời sống nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại: “*Kiều ở lầu Ngung Bích*”.

**Câu 9:** *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Đoạn trường tân thanh* là những tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Hãy giải thích nhan đề hai tác phẩm trên.

- *Hoàng Lê nhất thống chí*: Ghi chép sự thống nhất vương triều nhà Lê.

- *Đoạn trường tân thanh* : Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột hoặc tiếng kêu về một nỗi đau đứt ruột.

## II. THƠ HIỆN ĐẠI

**Câu 1:** *Các tác phẩm thơ hiện đại:*

### 1. **Đồng chí** (Trích **Đầu súng trăng treo**)

- Tác giả: Chính Hữu (Trần Đình Đắc) sinh năm 1926, quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh

- Sáng tác: 1948. KC chống Pháp

- Thể loại: Thơ tự do

- Chủ đề: Người lính

- Nội dung: Ca ngợi tình đồng chí cùng chung lý tưởng của những người lính cách mạng trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Tình đồng chí trở thành sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của anh bộ đội Cụ Hồ

- Nghệ thuật:

+ Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.

+ Hình ảnh sáng tạo vừa hiện thực, vừa lãng mạn: Đầu súng trăng treo

### 2. **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** (Trích **Vàng trăng quầng lửa**)

- Tác giả: Phạm Tiến Duật sinh năm 1942, quê ở Phú Thọ.

- Sáng tác: 1969

- KC chống Mĩ

- Thể loại: Thơ 7 chữ kết hợp 8 chữ

- Chủ đề: Người lính

- Nội dung: Tư thế hiên ngang, tinh thần chiến đấu bình tĩnh, dũng cảm, niềm vui lạc quan của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ.

- Nghệ thuật: Tứ thơ độc đáo: Những chiếc xe không kính; Giọng điệu tự nhiên, khỏe khoắn, vui tếu có chút ngang tàng; lời thơ gần gũi với văn xuôi, lời nói thường ngày.

### **3. Đoàn thuyền đánh cá (Trích Trời mỗi ngày lại sáng)**

- Tác giả: Huy Cận (1919 – 2005), tên đầy đủ Cù Huy Cận, quê ở Đức Thọ, Hà Tĩnh.

- Sáng tác: 1958

- Thể loại: Thơ bảy chữ

- Chủ đề: Thiên nhiên và con người

- Nội dung: Khắc họa nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.

- Nghệ thuật: Có nhiều hình ảnh sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo; có âm hưởng khỏe khoắn, hào hứng, lạc quan

### **4. Bếp lửa (Trích Hương cây - Bếp lửa)**

- Tác giả: Bằng Việt (Nguyễn Việt Bằng), quê ở Thạch Thất, Hà Tây.- Trưởng thành trong KC chống Mỹ.

- Sáng tác: 1963 hòa bình ở miền Bắc

- Thể loại: Thơ tám chữ

- Chủ đề: Người phụ nữ

Tình cảm gia đình

- Nội dung: Nhớ lại những kỷ niệm xúc động về bà và tình bà cháu. Lòng kính yêu và biết ơn của cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

- Nghệ thuật: Kết hợp miêu tả, biểu cảm, kể chuyện và bình luận. Hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, tạo ý nghĩa sâu sắc. Giọng thơ bồi hồi, cảm động

### **5. Ánh trăng (Trích Ánh trăng)**

- Tác giả: Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa.

- Sáng tác: 1978 sau hòa bình
- Thể loại: Thơ năm chữ
- Chủ đề: Người lính
- Nội dung: Bài thơ như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước bình dị, hiền hậu. Gọi nhắc nhở ở người đọc thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.
- Nghệ thuật: Kết cấu như 1 câu chuyện, có sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình. Giọng điệu tâm tình, hình ảnh giàu tính biểu cảm.

**Câu 2:**

- Nhận biết tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, học thuộc lòng thơ, hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.
- Giải thích được ý nghĩa nhan đề, tác dụng của các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

**Câu 3: *Sắp xếp các bài thơ Việt Nam theo từng giai đoạn lịch sử :***

- 1945 – 1954: Đồng chí.
- 1954 – 1964: Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa.
- 1964 – 1975: Bài thơ về tiểu đội xe không kính.
- Sau 1975: Ánh trăng.

***=> Các tác phẩm thơ kể trên đã tái hiện cuộc sống và hình ảnh con người Việt Nam suốt một thời kì lịch sử từ sau CMT8/1945 qua nhiều giai đoạn.***

- Đất nước và con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với nhiều gian khổ hi sinh nhưng rất anh hùng.
- Công cuộc lao động xây dựng đất nước và những quan hệ tốt đẹp của con người. Nhưng điều chủ yếu là các tác phẩm thơ đã thể hiện chính là tâm hồn, tình cảm, tư tưởng của con người trong một thời kì lịch sử có nhiều biến động lớn lao, nhiều thay đổi sâu sắc:
- Tình cảm yêu nước, tình quê hương.
- Tình đồng chí, sự gắn bó với cách mạng, lòng kính yêu Bác Hồ.
- Những tình cảm gần gũi và bền chặt của con người: tình bà cháu trong sự thống nhất với

những tình cảm chung rộng lớn.

**Câu 4:** So sánh những bài thơ có đề tài gần nhau để thấy điểm chung và những nét riêng của mỗi tác phẩm:

**Bài thơ Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ánh trăng** đều viết về người lính cách mạng với vẻ đẹp trong tính cách và tâm hồn họ. Nhưng mỗi bài lại khai thác những nét riêng và đặt trong những hoàn cảnh khác nhau.

- **Đồng chí** viết về người lính thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Những người lính xuất thân từ nông dân nơi những làng quê nghèo khó, tình nguyện và hăng hái ra đi chiến đấu. Tình đồng chí của những người đồng đội dựa trên cơ sở cùng cảnh ngộ, cùng chia sẻ gian lao, thiếu thốn và cùng lí tưởng chiến đấu. Bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí ở những người lính Cách mạng.

- **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** khắc hoạ hình ảnh những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống Mĩ. Bài thơ làm nổi bật tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, tư thế hiên ngang, niềm lạc quan và ý chí giải phóng miền Nam của người chiến sĩ lái xe - một hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời chống Mĩ.

- **Ánh trăng** nói về suy ngẫm của người lính đã đi qua cuộc chiến tranh, nay sống giữa thành phố trong hoà bình. Bài thơ gợi lại những kỷ niệm gắn bó của người lính với đất nước, với đồng đội trong những năm tháng gian lao của chiến tranh, từ đó nhắc nhở về đạo lí nghĩa tình, thuỷ chung.

**Câu 5:** So sánh bút pháp sáng tạo hình ảnh thơ ở một số bài thơ :

- **Đồng chí và Đoàn thuyền đánh cá** là hai bài thơ sử dụng bút pháp khác nhau trong xây dựng hình ảnh. **Bài Đồng chí** sử dụng bút pháp hiện thực, đưa những chi tiết, hình ảnh thực của đời sống của người lính vào trong thơ gần như là trực tiếp (nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá, đêm rét chung chăn, áo rách vai, quần có vài mảnh vá, chân không giày...). Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” ở cuối bài rất đẹp và giàu ý nghĩa biểu tượng nhưng cũng rất thực mà tác giả đã bắt gặp trong những đêm phục kích địch ở rừng. **Bài Đoàn thuyền đánh cá** lại chủ yếu dùng bút pháp tượng trưng, phóng đại với nhiều liên tưởng, tưởng tượng, so sánh mới mẻ, độc đáo (*Mặt trời xuống biển như hòn lửa, sóng cài*



then, đêm sập cửa, thuyền lái bằng gió, buồm là trăng...). Mỗi bút pháp đều có giá trị riêng và phù hợp với tư tưởng, cảm xúc của bài thơ và phong cách của mỗi tác giả.

- **Bài thơ về tiểu đội xe không kính và Ánh trăng: Bài thơ của Phạm Tiến Duật** sử dụng bút pháp hiện thực, miêu tả rất cụ thể, chi tiết từ hình dáng chiếc xe không kính đến cảm giác, sinh hoạt của người lính lái xe. Còn **Ánh trăng của Nguyễn Duy** tuy có đưa vào nhiều hình ảnh và chi tiết thực, rất bình dị, nhưng chủ yếu dùng bút pháp gợi tả, không đi vào chi tiết mà hướng tới ý nghĩa khái quát và biểu tượng của hình ảnh.

### **III. TRUYỆN HIỆN ĐẠI**

#### **Câu 1: Các tác phẩm truyện hiện đại:**

##### **1. Làng (Kim Lân tên là Nguyễn Văn Tài sinh năm 1920)**

- Năm sáng tác: 1948, kháng chiến chống Pháp
- Chủ đề: Ca ngợi lòng yêu nước
- Hình ảnh người nông dân
- Tình huống truyện: Ông Hai ở nơi tản cư nghe tin làng mình (làng chợ Dầu) theo Tây.  
=> Tình huống gay cấn.
- Nội dung: Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong thời kỳ đầu kháng chiến.
- Nghệ thuật:
  - + Ngôi thứ 3
  - + Diễn biến nội tâm sâu sắc
  - + Xây dựng tình huống truyện
- Nhân vật chính: Ông Hai: Yêu làng thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến.

##### **2. Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long (1925-1991), quê ở Duy Xuyên - Quảng Nam)**

- Năm sáng tác: 1970 - KC chống Mĩ
- Chủ đề: Ca ngợi hình ảnh người lao động mới
- Tình huống truyện: Cuộc gặp gỡ tình cờ ngắn ngủi với anh thanh niên làm việc tại trạm

khí tượng trên đỉnh Yên Sơn.

- Nội dung: Truyện khắc họa thành công hình tượng người lao động mới với lí tưởng sống cao đẹp, đáng trân trọng. Tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên với công việc của mình.

Truyện nêu lên ý nghĩa và niềm vui của lao động chân chính.

- Nghệ thuật:

+ Ngôi kể thứ 3

+ Truyện giàu chất thơ

+ Tính hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, kết hợp tự sự với trữ tình, bình luận

- Nhân vật chính: Anh thanh niên.

### **3. Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932 quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang)**

- Sáng tác: 1966 - KC chống Mĩ

- Chủ đề: Ca ngợi tình cảm gia đình, tình cha con

- Tình huống truyện: Bé Thu mong cha nhưng cha về lại không nhận ra. Khi Thu nhận ra cha cũng là lúc cha phải ra đi. Người cha dồn hết tình yêu thương vào cây lược làm cho con, nhưng chưa kịp trao thì ông đã hy sinh => Tình huống éo le của chiến tranh.

- Nội dung: Truyện đã diễn tả cảm động tình cha con thấm thiết, sâu nặng và cao đẹp trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

- Nghệ thuật:

+ Ngôi kể thứ nhất

+ Sáng tạo tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí.

+ Thành công trong miêu tả tâm lí nhân vật xây dựng tính cách

- Nhân vật chính: Ông sáu: Thương con - yêu nước.

**Câu 2:** Nhận biết tác giả và tác phẩm, nắm đặc điểm nhân vật, sự việc, cốt truyện, diễn biến tâm trạng nhân vật, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của các tác phẩm.

### **\* MỘT SỐ BÀI TẬP VẤN DUNG PHẦN VĂN**

**Câu 1:** Cảm nhận về hình ảnh người lính trong 2 bài thơ “Đồng chí và Tiểu đội xe không kính”.

**Câu 2:** Cảm nhận về vẻ đẹp trong cách sống, trong tâm hồn và những suy nghĩ, việc làm của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

**Câu 3:** Cảm nhận của em về nhân vật bé Thu và tình cha con trong chiến tranh ở truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

**Câu 4:** Phân tích những hình ảnh biểu tượng : “đầu súng trăng treo” (trong bài thơ Đồng chí), “trăng” (trong bài Ánh trăng).

## **B. CHỦ ĐỀ 2: PHẢN TIẾNG VIỆT**

### **\* Yêu cầu:**

- Nhớ khái niệm các phương châm hội thoại; Nhớ những cách phát triển của từ vựng.
- Hiểu và xác định được: Các phương châm hội thoại, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa;
- Hiểu và xác định được từ vựng trong văn cảnh;
- Nắm được cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp.
- Phân tích giá trị biểu cảm của phép tu từ từ vựng.

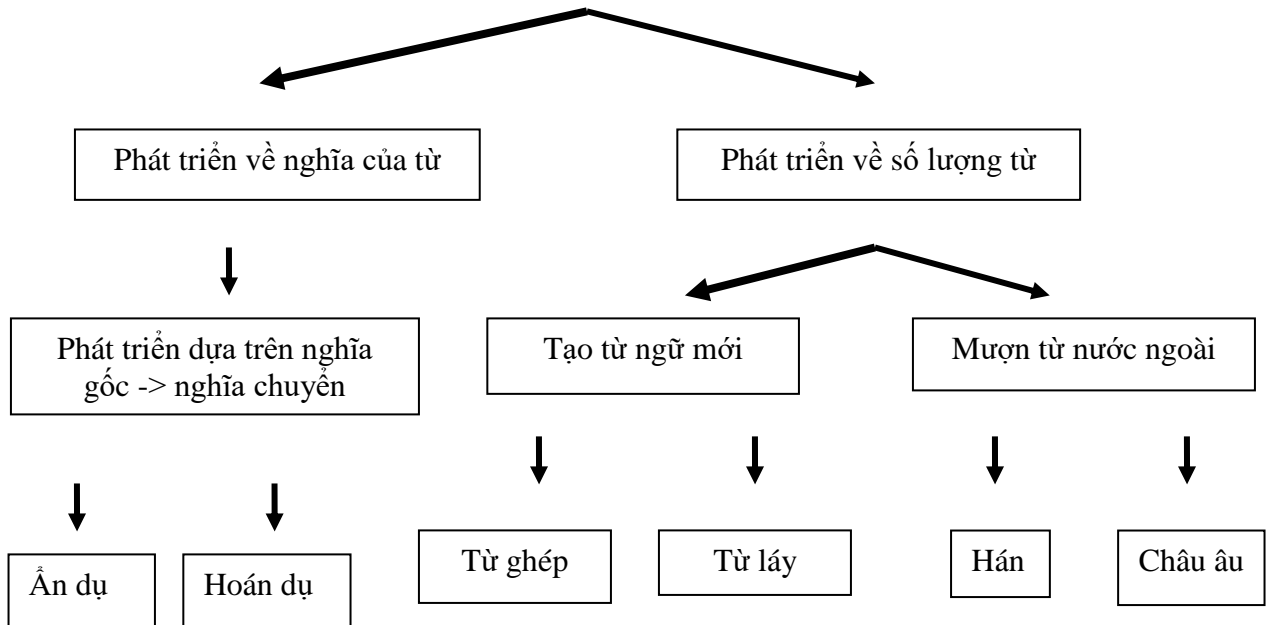
**Câu 1:** Các phương châm hội thoại đã học: PC về lượng, về chất, cách thức, quan hệ, lịch sự.

(Chú ý mối liên quan giữa các phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.)

- **Phương châm về lượng:** Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.
- **Phương châm về chất:** Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.
- **Phương châm cách thức:** Khi giao tiếp, cần nói ngắn gọn, rành mạch; tránh nói mơ hồ.
- **Phương châm quan hệ:** Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.
- **Phương châm lịch sự:** Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác.

**Câu 2:** a. Lập sơ đồ hệ thống hóa các cách phát triển của từ vựng.

Sự phát triển của từ vựng



**b.** - Nắm các cách phát triển của từ vựng và phương thức chuyển nghĩa;

- Xác định từ vựng trong văn cảnh

**Câu 3:**

- Thế nào là cách dẫn trực tiếp? Thế nào là cách dẫn gián tiếp? Nêu dấu hiệu nhận biết 2 cách dẫn này ?

- Nhận diện và biết cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp, biết tạo câu có lời dẫn.

**Câu 4:** Tổng kết từ vựng (SGK Ngữ văn 9 tập I trang 158-> 159).

**\* MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO**

**1) Giải nghĩa, đặt câu với các trường hợp sau. Và cho biết chúng tuân thủ hoặc vi phạm những phương châm hội thoại nào ?**

- Nói như đinh đóng cột	- Im lặng là vàng
- Dây cà ra dây muống	- Lời nói chẳng mất tiền mua,
- Lời chào cao hơn mâm cỗ	- Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.
- Nói có sách, mách có chứng	- Lúng búng như ngậm hột thị
- Ông nói gà, bà nói vịt	- Đánh trống bỏ dùi

**2) Xác định và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ trong các trường hợp sau :**

a) Bếp lửa – Bằng Việt

*Một bếp lửa chòn vòn sương sớm,  
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm  
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

b) Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật

*Không có kính, rồi xe không có đèn,  
Không có mui xe, thùng xe có xước,  
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước  
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

c) Khúc hát ru những em bé ..... của Nguyễn Khoa Điềm

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi,  
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.*

d) *Truyện Kiều* – Nguyễn Du

*Thà rằng liều một thân con,  
Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.*

e) *Truyện Kiều* – Nguyễn Du

*Vân xem trang trọng khác vời,  
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.  
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,  
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*

g) *Truyện Kiều* – Nguyễn Du

*Kiều càng sắc sảo mặn mà,  
So bề tài sắc lại là phần hơn.  
Làn thu thủy nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

h) *Bếp lửa* – Bằng Việt

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi  
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ  
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”*

i) Ngắm trăng – Hồ Chí Minh

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

3) **Giải thích nghĩa của từ gạch chân và phân tích biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau :**

Đầu lòng hai ả **tố nga**,  
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.  
Mai cốt cách tuyết tinh thần,  
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.  
(Trích: *Chị em Thúy Kiều* – Nguyễn Du)

4) **Chỉ ra và phân tích tác dụng của từ láy trong đoạn thơ sau:**

Nao nao dòng nước uốn quanh,  
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.  
Sè sè nắm đất bên đàng,  
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.  
(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

5) **Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của những từ gạch chân trong các trường hợp sau:**

A)

Gần xa nô nức yến anh,  
Chị em sắm sửa bộ hành chơi **xuân**.  
Ngày **xuân** em hãy còn dài,  
Xót tình máu mủ thay lời nước non.

B)

Được lời như cởi tấm lòng,  
Gởi kim thoa với khăn hồng trao **tay**.  
Cũng nhà hành viện xưa nay,

Cũng phường bán thịt cũng **tay** buôn người.

C)

Đề huê lưng túi gió trăng,

Sau **chân** theo một vài thằng con con.

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,

**Chân** mây mặt đất một màu xanh xanh.

6) *Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của các từ : vai, miệng, chân, tay, đầu trong đoạn thơ sau:*

Áo anh rách **vai**

Quần tôi có vài mảnh vá

**Miệng** cười buốt giá

**Chân** không giày

Thương nhau **tay** nắm lấy bàn **tay**.

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

**Đầu** súng trắng treo.

(Đồng chí – chính Hữu)

7) *Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi :*

“Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở SaPa. Không có cháu ở đây. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc: “Thế là một – hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc.”

a. Đoạn trích trên trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai? Nêu tình huống truyện.

b. Xác định lời dẫn trực tiếp và gián tiếp có trong đoạn trích, Nêu dấu hiệu nhận biết.

c. Tìm ít nhất bốn từ Hán Việt cấu tạo theo mô hình: không + x (Mẫu: không quân)

8) *Chuyển các lời dẫn: ở trường hợp (a, b) sang cách dẫn gián tiếp và ở trường hợp (c,*

*d) sang cách dẫn trực tiếp.*

a. Anh ấy bảo tôi: “Sáng mai, tôi đi Hà Nội. Bác có muốn gửi gì về nhà không?”

b. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết là sức mạnh vô địch”.

c. Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

d. Trong cuốn sách Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc, nhà phê bình văn học Đặng Thai Mai khẳng định rằng người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình.

**C. CHỦ ĐỀ 3: PHẢN TẬP LÀM VĂN: Kiểu văn bản tự sự.**

**\* Yêu cầu:**

- Học sinh chọn đúng ngôi kể;

- Viết bài văn tự sự kết hợp các yếu tố miêu tả, nghị luận, đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

**\* Lưu ý:** Năm học này, đề ra theo hướng mở, có thể sử dụng ngữ liệu ngoài chương trình sgk để HS tiếp cận và xử lí tình huống, giải quyết vấn đề trong thực tế.

**1/ Lí thuyết:** Phương pháp làm bài văn tự sự có sử dụng các yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm; đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm. Xem lại bài học tiết 32, 36, 50, 65 (chú ý ngôi kể trong văn bản tự sự: ngôi thứ nhất, ngôi thứ ba).

**2/ Luyện tập thực hành:** Dùng ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba kể lại: “Chuyện người con gái Nam Xương”, “Làng”, “Lặng lẽ Sa Pa”, “Chiếc lược ngà”, “Ánh trăng”, “Bếp lửa”, “Đồng chí”, “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” .... Kể lại một kỉ niệm (vui, buồn) đáng nhớ của mình...

**\* MỘT SỐ DÀN Ý THAM KHẢO :**

**\* Đề 1:** *Tưởng tượng mình là người cháu trong bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt. Hãy kể lại câu chuyện của tình bà cháu.*

**\* Dàn ý:** Kể theo ngôi 1, sử dụng yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm, nghị luận, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm:



**a. Mở bài:**

- Tạo tình huống kể câu chuyện: “Tôi” đi xa, trưởng thành, nhìn bếp lửa hồi ức về bà...
- Nội dung khái quát câu chuyện.

**b. Thân bài : Diễn biến của câu chuyện:**

- Hoàn cảnh gia đình “Tôi”...
- Tình hình đất nước...
- Hình ảnh “bếp lửa” lúc “Tôi” còn nhỏ (4 tuổi)...
- Những kỉ niệm nào về tình bà cháu được gọi lại : Thiếu thốn gian khổ, đất nước chiến tranh.

Bà kể chuyện, dạy cháu, chăm cháu, đối mơn mõi, cùng bà nhóm lửa.

- Cuộc sống của hai bà cháu vô cùng khó khăn gian khổ trong sự khó khăn chung của đất nước vừa trải qua nạn đói khủng khiếp năm 1945, thực dân Pháp kéo quân vào xâm lược đất nước ta lần hai .
- Suy ngẫm về cuộc đời bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa , ngọn lửa.
- Bà tần tảo hy sinh cho con cháu...
- Tiếng chim tu hú gọi cho “Tôi” tâm trạng khắc khoải...
- Ngọn lửa là là niềm tin thiêng liêng, kỉ niệm ấm lòng nâng bước cháu trên con đường đời rộng mở nhưng tôi vẫn không quên tấm lòng yêu thương của bà dành cho cháu.
- “Tôi” đã trưởng thành đã khôn lớn, đã đi xa nhưng vẫn nhớ về kỉ niệm tuổi thơ sống trong tình yêu thương ấm áp của bà.

**c. Kết bài:**

\* **Đề 2:** Kể lại câu chuyện cảm động về tình cha con trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

**a. Mở bài:** Giới thiệu được câu chuyện và nhân vật.

**b. Thân bài:**

- Kể được diễn biến tâm lý của bé Thu trước và sau khi nhận anh Sáu là cha.
- Tình cảm sâu nặng và cao đẹp của anh Sáu đối với bé Thu (khi gần đến bờ, những ngày ở nhà và đặc biệt khi ở chiến khu và trước lúc hy sinh).

c. **Kết bài:** Nêu được cảm nhận về giá trị của hạnh phúc được sống trong hòa bình cũng như trong tình cảm gia đình./.

\* **Đề 3:** *Hãy tưởng tượng em được gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.*

a. **Mở bài:** Giới thiệu tình huống, sự việc, nhân vật (*tình huống gặp người lính có thể ở trong mơ hoặc nhân dịp ngày thành lập quân đội 22/12*).

b. **Thân bài :** Kể diễn biến cuộc gặp gỡ và trò chuyện

- Khung cảnh gặp gỡ

- Kể lại nội dung cuộc trò chuyện:

+ Về hoàn cảnh chiến đấu (những chiếc xe do bom đạn giặc Mĩ tàn phá trở nên hư hỏng : không kính, không đèn, không mui xe, thùng xe bị trầy xước; những phiến toái do xe đem đến: gây bụi, gió, mưa ướt áo...)

+ Về tinh thần chiến đấu: Dựa vào từng khổ thơ để khắc họa những phẩm chất của người lính lái xe.

- Khi kể xen kẽ miêu tả nội tâm nhân vật người lính, thể hiện cảm xúc suy nghĩ của người kể, bằng các hình thức đối thoại, độc thoại.

c. **Kết bài:**

- Cảm xúc về thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

- Suy nghĩ về thế hệ trẻ hôm nay và rút ra bài học cho bản thân./.

\* **Đề 4:** *Hãy kể lại truyện ngắn “Chiếc lược ngà” theo hồi tưởng của nhân vật Thu khi đã lớn. (Tạo lập văn bản tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận và các hình thức đối thoại, độc thoại).*

a. **Mở bài :** Giới thiệu nhân vật và nội dung chính của câu chuyện

b. **Thân bài :** Kể lại toàn bộ diễn biến sự việc :

- Giới thiệu hoàn cảnh của hai cha con

+ Xa cách 8 năm, chưa lần nào gặp nhau.

+ Chỉ biết ba qua tấm hình chụp chung với má.

- Lần đầu tiên gặp ba: Quá bất ngờ, hoảng hốt bỏ chạy.
- Những ngày tiếp theo:
  - + Kiên quyết không nhận cha, từ chối tất cả mọi sự gần gũi, vỗ về chiều chuộng của cha. (Không chịu gọi ba, nói trống không, không nhờ ba chắt nước cơm, hắt cái trứng cá ba gắp cho, bỏ sang nhà ngoại...)
  - + Nội tâm: thái độ nghi ngờ, tức giận pha lẫn sự hờn tủi với má. Đồng thời bày tỏ tình cảm với người cha trong tấm hình.
- Đêm ở nhà ngoại hiểu ra mọi chuyện :
  - + Nghe ngoại kể về vết sẹo trên mặt của ba thao thức không ngủ.
  - + Nội tâm: ân hận, nuôi tiếc, tự trách mình...
- Giấy phút chia li:
  - + Lặng lẽ đứng nhìn ba chuẩn bị lên đường nhưng trong lòng đang cố kìm nén tình cảm.
  - + Khi ba chào không nén được bật ra tiếng gọi da diết.
  - + Bộc lộ tình cảm với ba một cách hối hả, cuống quýt, cố níu giữ những giây phút ngắn ngủi được ở bên ba.
  - + Lưu luyến không muốn xa ba, dặn ba mua cây lược với ước mong ba sẽ trở về.
- Những ngày xa ba và khi nhận được chiếc lược ngà
  - + Luôn mong nhớ, chờ đợi nhà ba trở về.
  - + Niềm vui pha lẫn nỗi đau khi nhận được chiếc lược ngà từ bác Ba.
  - + Cảm nhận tình cha con từ người đồng đội thân thiết của ba và hình ảnh ba mãi không phai mờ.

### **c. Kết bài**

- Khẳng định tình cảm với ba.
  - Lời hứa sẽ sống xứng đáng với tình cảm và những hi sinh của ba./.
- \* ĐỀ 5: Dựa vào bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy, em hãy chọn một vai kể thích hợp và kể lại câu chuyện giữa người lính với ánh trăng. Khi kể cần kết hợp với yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm và các hình thức đối thoại, độc thoại.**
- Bài viết đúng kiểu bài tự sự kết hợp với yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm; chọn ngôi

kể phù hợp; có hình thức đối thoại và độc thoại.

- Kể diễn biến câu chuyện giữa người lính và ánh trăng theo trình tự hợp lý (trình tự thời gian, không gian, tâm lý...)

**a. Mở bài :** Giới thiệu nhân vật, sự việc, tình huống truyện.

**b. Thân bài :** Kể lại toàn bộ diễn biến các sự việc :

- **Học sinh có thể kể về:**

+ Người lính và ánh trăng ở quá khứ.

+ Người lính với ánh trăng ở hiện tại.

+ Tình huống giúp người lính nhận ra sự hờ hững, vô tâm của mình với trăng, với quá khứ.

- Suy ngẫm của người lính về thái độ sống vong ân bội nghĩa của mình với quá khứ nghĩa tình, với đồng đội, với quê hương, tổ quốc. Từ đó, xác định cho mình thái độ sống đúng đắn với gia đình, cộng đồng.

**c. Kết bài:**

- Cảm xúc của người lính.

- Suy nghĩ và rút ra bài học cho bản thân./.

**ĐỀ 6: Kể lại đoạn trích truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân (theo ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ 3)**

**a. Mở bài: Giới thiệu :**

- Truyện viết vào năm 1948, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Nhân vật chính: Ông Hai

- Tình cảm đối với quê hương, đất nước

**b. Thân bài:**

- Ông Hai tình cờ nghe tin làng chợ Dầu yêu quý của mình trở thành làng Việt gian theo Pháp, phản lại kháng chiến, phản lại Cụ Hồ => Đó là một tình huống truyện gay cấn để làm bộc lộ sâu sắc nội tâm của nhân vật.

- Những chi tiết thể hiện rõ tâm trạng của ông Hai khi mới nghe tin làng mình theo giặc:

+ « Ông Hai quay phắt ....bao nhiêu thàng ? » => Ông lo lắng khi nghe tin giặc vào làng,

nhưng rất tin tưởng vào tinh thần kháng chiến của làng.

+ « Cô ông lão nghẹn ... chỉ lại ? » => Tin dữ đến quá đột ngột, ông sững sờ nhưng cố gắng hỏi trong niềm hy vọng mong manh.

+ « Ông Hai...đi thẳng » => Ông xấu hổ tìm cách lảng đi.

+ « Ông Hai cúi ... »  
+ « Ông Hai nằm ... »  
+ « nước mắt ông ... »  
+ « nắm chặt lạ i... »

} Ông hoàn toàn thất vọng, tủi nhục.

+ « chao ôi cực nhục ... »

**\* Tình yêu làng quê và tinh thần yêu nước của ông Hai**

- Tin dữ đến quá đột ngột ông Hai sững sờ, đau đớn tủi hổ và hoàn toàn thất vọng.

- Những ngày tiếp theo tin dữ trở thành nỗi ám ảnh nặng nề trong tâm trí của ông và cả gia đình.

- Ông rơi vào mối mâu thuẫn giữa tình yêu làng và phải thù làng => Tình yêu nước rộng lớn bao trùm lên tình cảm làng quê.

- Qua những lời tâm sự với đứa con ta thấu hiểu tình cảm sâu nặng với làng quê và tấm lòng thủy chung với cách mạng, kháng chiến => Tình cảm làng quê hòa quyện thống nhất với lòng yêu nước.

\* Tâm trạng những ngày tiếp theo của ông và gia đình:

+ Ông không nói chuyện với ai, kể cả với vợ => nỗi chán chường, thất vọng.

+ Ông không dám đi đâu. Tin dữ trở thành nỗi ám ảnh  
+ Ông nghe ngóng... } thường xuyên trong tâm trí ông.  
+ Ông chột dạ... } Ông luôn sống trong sự sợ hãi  
+ Ông nơm nớp... } và tủi nhục => Không chỉ thế cả  
+ Ông lúi ra góc nhà... } gia đình đứng trước tương lai đen tối.

**\* Yếu tố nghị luận:** Trong tình thế cùng đường ấy quyết định « trở về làng » dường như là một quyết định đúng đắn, vậy mà ông Hai lại phản đối:

- **Bối:** Trở về làng là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ. => Tình cảm với cách mạng, với kháng

chiến đã rộng lớn hơn vượt lên, bao trùm lên tình cảm làng quê => Quyết định «Làng thì yêu ... thù».

- Khi tin dữ được cải chính ông vô cùng sung sướng tự hào về làng của mình.

- Tin dự được cải chính ông Hai lại trở về bản tính như xưa:

+ Một lão nông đôn hậu hay nói, hay khoe về làng của mình một cách tự hào và giờ càng tự hào hơn nữa khi làng mình không theo Việt gian bán nước.

+ Đặc biệt chi tiết: « Tây nó... » ông nói với một tâm trạng vui sướng. Đối với ông đó là minh chứng hùng hồn nhất để minh chứng sự trong sạch của làng mình.

**c. Kết bài:** Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong thời kỳ đầu kháng chiến./.

**Đề 7: Hãy đóng vai một trong các nhân vật: anh thanh niên, bác họa sĩ, cô Kỹ sư... kể lại đoạn trích “Lặng lẽ SaPa”.**

**a. Mở bài: Giới thiệu :**

- Viết vào mùa hè năm 1970

- Nhân vật chính: Anh thanh niên

- Tình huống gặp gỡ tình cờ giữa ông họa sĩ, cô kỹ sư và anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn.

**b. Thân bài:**

**1. Nhân vật anh thanh niên:**

a. Công việc và hoàn cảnh sống:

- Hai mươi bảy tuổi.

- Công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m.

- Ngày đêm 4 lần (1giờ, 4 giờ, 11giờ, 19giờ) đo gió, đo mưa, tính nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất... và báo về trung tâm.

- Chính xác, đều đặn, tỉ mỉ, lặp đi lặp lại, có phần tẻ nhạt.

- Một mình trên đỉnh núi cao, quanh năm chỉ có mây núi, sương mù bao phủ.

- Đòi hỏi phải có tinh thần trách nhiệm cao trong hoàn cảnh chỉ sống có một mình

b. *Những nét đẹp của anh thanh niên:*

- + Gian khổ nhất là anh phải vượt qua được nỗi cô đơn, chiến thắng chính mình.
  - + Yêu nghề nhận thức rõ ý nghĩa cao đẹp của công việc.
  - + Anh tổ chức cuộc sống một cách chủ động thoải mái.
  - + Quan hệ với mọi người: chu đáo, cởi mở, chân thành, khiêm tốn.
- => *Anh sống có mục đích và lí tưởng cao đẹp.*

**2. Nhân vật ông họa sĩ và các nhân vật phụ khác:**

- Bác lái xe, ông họa sĩ, cô kĩ sư với cái nhìn nhiều chiều góp phần làm nổi bật nhân vật chính.
- Những nhân vật còn lại ở Sa Pa đều quên mình vì công việc chung lặng lẽ cống hiến => thể hiện rõ chủ đề tác phẩm.

**c. Kết bài:**

- Hình ảnh người lao động bình thường nhưng biết hi sinh thầm lặng tuổi thanh xuân để xây dựng quê hương, đất nước ngày một tươi đẹp.
- Bài học bản thân về tuổi trẻ góp phần xây dựng đất nước./.

**Đề 8: Kể về một tiết học Ngữ văn đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng em.**

**a. Mở bài:** Giới thiệu về tiết học đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng em (tiết học thầy/cô nào dạy, vào lúc nào, để lại ấn tượng trong em như thế nào?).

**b. Thân bài:** Kể diễn biến sự việc xảy ra trong tiết học theo trình tự hợp lí.

- Hoàn cảnh, không gian trong lớp học và mở đầu tiết học.
- Hình ảnh người thầy (cô) giáo lúc lên lớp (giọng điệu, cử chỉ,...) và cách hướng dẫn học sinh nắm vững kiến thức.
- Những kiến thức được học từ thầy (cô) giáo.
- Những hoạt động học tập của học sinh trong giờ học.
- Suy nghĩ, cảm xúc của em về bài học và những điều đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng em.
- Tiết học kết thúc như thế nào? Tâm trạng của mọi người ra sao?

*(Trong quá trình kể phải kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận, đối thoại, độc*

*thoại nội tâm).*

**c. Kết bài:**

- Những suy nghĩ của em về nội dung bài học, thái độ đối với môn học.
- Tình cảm của em với thầy (cô) giáo.

**Lưu ý:** - Đề ra dạng mở, do vậy HS cần tham khảo, tìm hiểu thêm một số vấn đề trong cuộc sống mà được chính kiến để vận dụng làm bài viết.